

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2019

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Hoàng T, sinh năm 1970 (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp Đ, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Tô Hoàng T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Tô Hoàng T và bà Huỳnh Thị H (sau đây gọi tắt là ông S, bà Đ) đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/4/1997. Vợ chồng chung sống được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường

xảy ra cự cãi. Bà Đ không chăm lo cho gia đình mà thường đi đánh bạc, uống rượu và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ông S nhiều lần khuyên can nhưng bà Đ không sửa đổi. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 17/4/2018 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, ông S yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Tô Bé Cẩm, sinh năm 1998 và Tô Bé Loan, sinh năm 2000 (đều đã trưởng thành). Còn người con út tên Tô Bé Vân, sinh ngày 07/9/2003, giới tính nữ, hiện đang sống với bà Đ. Vợ chồng ly hôn con theo ai người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Đ đều vắng mặt không có lý do.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Tài liệu nguyên đơn cung cấp: Giấy khai đăng ký kết hôn của ông S, bà Đ; Bản sao sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân tên Tô Hoàng T; Bản sao giấy khai sinh Tô Bé Vân, Tô Bé Cẩm và Tô Bé Loan.

Tài liệu bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà Huỳnh Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị H.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa ông S và bà Đ là hợp pháp. Tại phiên tòa ông S trình bày lý do xin ly hôn là do bà Đ không chăm lo cho gia đình, thường đi đánh bạc, uống rượu và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ông S nhiều lần khuyên can nhưng bà Đ không sửa đổi. Tình trạng hôn nhân giữa ông S, bà Đ cũng được chính quyền địa phương và UBND xã An Minh Bắc xác nhận là đúng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích động viên hàn gắn nhưng ông S kiên quyết xin ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông S và bà Đ không còn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông S được ly hôn với bà Đ.

[3]. **Về con chung:** Ông S, bà Đ có 03 người con chung, trong đó có 02 người con lớn đã trưởng thành. Còn lại người con út là Tô Bé Vân, sinh ngày 07/9/2003, hiện đang sống với bà Đ. Tại bản tự khai ngày 12/8/2019 em Tô Bé Vân có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Huỳnh Thị H. Tại phiên tòa ông S cũng đồng ý để bà Đ tiếp tục nuôi con, nên HĐXX thống nhất giao con chung tên Tô Bé Vân cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. **Về chia tài sản chung:** Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. **Về án phí:** Ông S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002947 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Tô Hoàng T với bà Huỳnh Thị H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Tô Bé Vân, sinh ngày 07/9/2003, giới tính nữ cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con; Ông S có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.
3. Về chia tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Ông Tô Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002947 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh